

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ TÂN  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/HSST  
Ngày 04-02-2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN TỈNH, CÀ MAU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Việt Triều.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Tấn Lộc.

Nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí.

Bà Phạm Hồng Ân.

Nghề nghiệp: Giáo viên.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Châu Sơn Ca là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:*** Ông Dương Văn Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 32/2020/TLST-HS, ngày 30 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 01 năm 2021 đối với bị cáo: Lê Văn M, sinh năm 1990 tại tỉnh Cà Mau; nơi ĐKKHTT: Ấp T, xã R, huyện P, tỉnh C; nơi cư trú: Khu vực X, thị trấn D, huyện H, tỉnh L; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; họ tên cha: không xác định được, họ tên mẹ: Lê Thị X; bị cáo có vợ và 02 người con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18 tháng 08 năm 2020 đến nay (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Nguyễn Quốc K là luật sư Công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm Thanh thuộc đoàn Luật sư tỉnh An Giang.

***- Bị hại:*** Lê Mỹ D, sinh năm 2005 (có mặt).

***- Người đại diện hợp pháp của bị hại:*** Ông Lê Thanh H, sinh năm 1966 là cha ruột bị hại Lê Mỹ D (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Tân Thành Mới, xã Rạch Chèo, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Lê Mỹ D:* Ông Huỳnh Phương Đ, là trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cà Mau.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào đầu năm 2019, Lê Văn M điều khiển xe máy chở Lê Mỹ D sinh ngày 15 tháng 4 năm 2005 từ Bệnh viện đa khoa Cái Nước thuộc thị trấn Cái Nước, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau về nhà D ở ấp T, xã R, huyện P, tỉnh C. Khi đi ngang nhà trọ ở thị trấn Cái Nước, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau, M nảy sinh ý định giao cấu với D nên ghé vào thuê phòng nghỉ và thực hiện hành vi giao cấu với D rồi sau đó chở D về. Đến khoảng 15 đến 20 ngày sau, tại nhà tắm trong nhà sau của bà Lê Thị X (mẹ ruột M), ở ấp T, xã R, huyện P, tỉnh C thì M tiếp tục thực hiện hành vi giao cấu với D. Cả 02 lần D đều tự nguyện để M giao cấu. Đến ngày 12 tháng 6 năm 2020, ông Lê Thanh H là cha ruột của D đến Công an huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau trình báo về việc con gái ông bị xâm hại tình dục dẫn đến có thai và sinh con vào ngày 21 tháng 11 năm 2019 (là cháu trai và đặt tên là Lê Minh Th). Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Tân đã mời các đối tượng làm việc, qua làm việc thì Lê Văn M đã thừa nhận hành vi của mình.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về tình dục số 28/TD-20 ngày 16 tháng 6 năm 2020 của Trung tâm pháp y, Sở Y tế Cà Mau (bút lục 63 đến 66), kết luận đối với Lê Mỹ D như sau: 01 vết sẹo vùng tầng sinh môn vị trí 7 giờ, kích thước: 03cm x 0,2cm (do cắt tầng sinh môn khi sanh). Không xếp tỷ lệ %. Màng trinh: Dạng vòng; rách cũ ở vị trí 5 giờ, 7 giờ, 11 giờ. Tại thời điểm giám định trên cơ thể của Lê Mỹ D không có dấu vết thương tích.

Bản kết luận giám định pháp y về độ tuổi số 05/20/ĐT ngày 25 tháng 6 năm 2020 của Viện pháp y quốc gia, Phân viện tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Tại thời điểm giám định ngày 17 tháng 6 năm 2020, Lê Mỹ D có độ tuổi từ 16 năm đến 16 năm 6 tháng.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về AND số 272/20/TC-ADN ngày 30 tháng 7 năm 2020 của Viện pháp y quốc gia Bộ Y tế kết luận: Lê Văn M có quan hệ huyết thống cha - con với cháu Lê Minh Th, độ tin cậy 99,9999%.

Tại Cáo trạng số 34/CT-VKS, ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân đã truy tố bị cáo Lê Văn M về tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” theo quy định tại điểm a, d khoản 2 Điều 145 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điểm a, d khoản 2 Điều 145; điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự tuyên bố bị cáo Lê Văn M phạm tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”, xử phạt bị cáo Lê Văn M từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

Luật sư bào chữa cho bị cáo cho rằng: Bị cáo đã khắc phục một phần hậu quả, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị hại cũng có lỗi, bị cáo là lao động chính đang nuôi con nhỏ nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 54 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù. Buộc bị cáo bồi thường cho bị hại tiền sinh con và nuôi con 36.000.000 đồng, tiền tổn thất tinh thần 10 tháng lương cơ sở và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Lê Văn M thừa nhận: Trong khoảng thời gian đầu tháng 02 năm 2019 bị cáo đã thực hiện hành vi giao cấu với Lê Mỹ D 02 lần. Tất cả các lần bị cáo giao cấu với Lê Mỹ D thì Lê Mỹ D đều tự nguyện, bị cáo không có dụ dỗ, ép buộc bị hại Lê Mỹ D. Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung bản Cáo trạng truy tố. Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo đồng ý bồi thường thiệt hại cho Lê Mỹ D tiền sinh con và nuôi con 36.000.000 đồng, tiền tổn thất tinh thần và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại đề nghị xét xử nghiêm khắc đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại các khoản chi phí gồm: tiền chi phí nuôi bị hại sinh con, tiền mất thu nhập, tiền ăn trong thời gian bị hại sinh con, tiền sữa nuôi con bị hại từ khi sinh đến nay số tiền 36.000.000 đồng, tiền tổn thất tinh thần về danh dự và sức khỏe với số tiền tổng cộng 50.000.000đ, tiền cấp dưỡng nuôi con của bị hại mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con bị hại đủ 18 tuổi.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Về trách nhiệm dân sự buộc bị cáo bồi thường thiệt hại cho bị hại tiền sinh con và nuôi con 36.000.000 đồng, tiền tổn thất tinh thần 20 tháng lương cơ sở với số tiền 29.800.000 đồng và cấp dưỡng nuôi con của bị hại mỗi tháng 745.000 đồng cho đến khi con của bị hại đủ 18 tuổi.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Phú Tân, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo cho rằng trong thời đầu năm 2019 bị cáo đã giao cấu với bị hại 02 lần, các lần thực hiện hành vi giao cấu bị hại đều tự nguyện. Xét thấy lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, phù hợp với Kết luận giám định số 272/20/TC-ADN ngày 30 tháng 7 năm 2020 của Viện pháp y quốc gia Bộ y tế và phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định bị cáo

có hành vi giao cấu với bị hại Lê Mỹ D nhiều lần và làm cho bị hại Lê Mỹ D có thai và sinh một bé trai. Bị hại Lê Mỹ D, sinh ngày 15 tháng 4 năm 2005 đến thời điểm bị cáo thực hiện hành vi giao cấu (khoảng đầu năm 2019) thì bị hại Lê Mỹ D là trẻ em từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi. Bị cáo đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo thực hiện hành vi giao cấu với bị hại nhiều lần và làm cho bị hại có thai nên hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” theo quy định tại các điểm a, d khoản 2 Điều 145 của Bộ luật hình sự. Do đó, Cáo trạng số 22/CT-VKS ngày 21 tháng 8 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân đã truy tố Lê Văn M về tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” theo quy định tại các điểm a, d khoản 2 Điều 145 của Bộ luật hình sự của Bộ luật hình sự là có cơ sở, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe nhân phẩm, danh dự của bị hại Lê Mỹ D, làm ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của trẻ em, bị cáo lợi dụng sự thiếu hiểu biết của bị hại, bị cáo đã thực hiện hành vi giao cấu với bị hại. Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng; chỉ vì muốn thỏa mãn dục vọng của bản thân mà bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, bị cáo phạm tội với hai tình tiết định khung tăng nặng là phạm tội từ hai lần trở lên và làm nạn nhân có thai. Do đó, cần cách ly bị cáo một thời gian để bị cáo lao động, học tập trở thành người có ích cho xã hội, đồng thời răn đe và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[4] Tuy nhiên cũng cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt vì bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự; sau khi phạm tội bị cáo đã bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5] Sau khi xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và hậu quả của bị cáo gây ra. Xét thấy đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử phạt bị cáo với mức hình phạt như nêu trên là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với luật sư bào chữa cho bị cáo cho rằng bị hại có lỗi, bị cáo là lao động chính, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Xét thấy bị hại chưa đủ 16 tuổi, bị cáo đã lợi dụng sự thiếu hiểu biết của bị hại mà giao cấu với bị hại nên Luật sư cho rằng bị hại có lỗi là không có cơ sở. bị cáo là lao động chính đang nuôi con nhỏ không phải là tình tiết giảm nhẹ nên Luật sư đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự là không có cơ sở nên không được chấp nhận. Bị cáo phạm tội với hai tình tiết định khung tăng nặng nên Luật sư đề nghị xử dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là không có cơ sở nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị hại đại diện hợp pháp của người bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường tiền bị hại sinh con và nuôi con với số tiền 36.000.000 đồng, tiền tổn thất tinh thần 50.000.000 đồng và cấp dưỡng nuôi con bị hại mỗi tháng 1.000.000đ. Bị cáo đồng ý bồi thường tiền sinh con theo yêu cầu của bị hại và đại

diện hợp pháp của bị hại, đối với tiền tổn thất tinh thần và cấp dưỡng bị cáo đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Xét thấy thiệt của bị hại là do bị cáo gây ra nên bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho người bị hại theo quy định tại các Điều 590, Điều 592 của Bộ luật dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị hại, bị cáo có nghĩa vụ bồi thường tiền sinh con và nuôi con từ khi sinh đến nay với số tiền 36.000.000 đồng. Đối với tổn thất tinh thần đại diện bị hại yêu cầu bồi thường 50.000.000 đồng là quá cao nên Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần yêu cầu của đại diện bị hại. Buộc bị cáo bù đắp tổn thất tinh thần cho bị hại do danh dự, nhân phẩm và sức khỏe bị xâm phạm 15 tháng lương cơ sở với số tiền 22.350.000 đồng. Tổng cộng bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền 58.350.000 đồng, bị cáo đã bồi thường 10.000.000 đồng, bị cáo phải bồi thường tiếp 48.350.000 đồng. Đối với yêu cầu cấp dưỡng của đại diện hợp pháp của bị hại, xét thấy tại Kết luận giám định số 272/20/TC-ADN ngày 30 tháng 7 năm 2020 của Viện pháp y quốc gia Bộ y tế xác định cháu Lê Minh Th là con của bị hại và bị cáo M nên bị cáo phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho bị hại nuôi con chung mỗi tháng 750.000 đồng, cấp dưỡng định kỳ hàng tháng.

[7] Về án phí: Bị cáo Lê Văn M phải nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng; án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ và án phí dân sự có giá ngạch 2.417.500 đồng theo quy định tại Điều 23, Điều 26 và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Áp dụng các điểm a, d khoản 2 Điều 145; điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Lê Văn M phạm tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”.

Phạt bị cáo Lê Văn M 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18 tháng 8 năm 2020.

2. Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự và Điều 590, Điều 592 của Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Lê Văn M tiếp tục bồi thường thiệt hại cho bị hại Lê Mỹ D số tiền 48.350.000 đồng (bốn mươi tám triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng). Buộc bị cáo Lê Văn M cấp dưỡng cho người bị hại Lê Mỹ D nuôi con tên Lê Minh Th sinh ngày 21 tháng 11 năm 2019 mỗi tháng 750.000đ (bảy trăm năm mươi ngàn đồng), cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, thời hạn cấp dưỡng được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi Lê Minh Th đủ 18 tuổi và có đủ khả năng lao động để nuôi sống bản thân.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.*

3. Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và áp dụng các Điều 23, Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lê Văn M phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (hai trăm ngàn đồng), án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) và án phí dân sự có giá ngạch 2.417.500 (hai triệu bốn trăm mười bảy ngàn năm trăm đồng).

*Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Án xử sơ thẩm, bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Cà Mau (1b);
- VKSND huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (1b);
- Công an huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (1b);
- Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (1b);
- Bị cáo (1b);
- Các đương sự (1b);
- Lưu hồ sơ, văn thư (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Việt Triều**